

Bản án số: **195** /2018/HS-PT

Ngày: 25-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Tấn Lợi**

Các thẩm phán: Ông **Tô Phú Đông**

Ông **Lê Thành Tôn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Nghĩa** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Kim Hóa** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 161/2018/TLPT-HS ngày 13 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo **Nguyễn Văn S.**

Do có kháng cáo của bị cáo **S** đối với bản án hình sự sơ thẩm số 18/2018/HS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện **B.**

- Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Văn S**, sinh năm: 1980 tại An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp **L**, xã **G**, huyện **C**, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay (tạm trú): Ấp **Đ**, xã **T**, huyện **B**, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 06/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo hòa hảo; Con ông **Nguyễn Văn A** và bà **Võ Thị S**; Có vợ: **Phan Thị Mỹ D**, sinh năm 1982 (đã ly hôn); Có 3 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 02, ngày 26/12/2017; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu: Luật sư **Cao Minh T** - Văn phòng luật sư **Chí C**, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án bị cáo Nguyễn Chí P; đại diện hợp pháp cho bị hại không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

I. Về hành vi giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ:

Bị cáo Nguyễn Văn S là chủ của hàng vật liệu xây dựng tại ấp Đ, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp; bị cáo Nguyễn Chí P là người làm thuê cho bị cáo S, nhiệm vụ là giao vật liệu xây dựng cho khách hàng, hưởng lương khoán. Bị cáo S biết rõ bị cáo P không có giấy phép lái xe mô tô ba bánh theo quy định của Luật giao thông đường bộ.

Khoảng 14 giờ, ngày 01/11/2017 bị cáo P theo xe mô tô ba bánh do Lê Văn N điều khiển đi giao xi măng cho khách hàng tại tuyến 2X, khóm A, thị trấn T1, huyện B thì bị cáo S dùng số điện thoại 0918852003 để gọi đến số điện thoại 016791679xx của bị cáo P, kêu bị cáo P đến khu vực nhà của chị Lê Trúc G ở gần đó để điều khiển xe mô tô ba bánh, màu xanh biển kiểm soát số 66P1-188.6x về nhà trọ Hương Q, thuộc ấp Đ, xã T, huyện B bị cáo P nhận lời nên điều khiển xe mô tô ba bánh nêu trên như yêu cầu của bị cáo S và trên đường tham gia giao thông đã gây ra tai nạn làm chết 02 người (anh Mai Hoàng V và anh Nguyễn Đức T1).

II. Về hành vi, Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ:

Sau khi nhận lời của bị cáo S yêu cầu điều khiển xe mô tô ba bánh 66P1-188.6x về nhà trọ Hương Q. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày 01/11/2017 bị cáo P điều khiển xe mô tô ba bánh nêu trên, theo hướng thị xã H đi thành phố C trên Quốc lộ 3x; đến đoạn đường thuộc ấp Đ, xã T, huyện B do không tuân thủ luật lệ giao thông lấn sang phần đường bên trái hướng đi, nên thùng xe phía sau bên trái xe mô tô ba bánh 66P1-188.6x va chạm vào tay cầm bên trái xe mô tô hiệu HONDA WAVE, màu sơn Xanh-Đen-Bạc, biển kiểm soát số 66N1-290.3x do anh Mai Hoàng V điều khiển, chở phía sau anh Nguyễn Đức T1 chạy hướng ngược lại.

Hậu quả làm cho anh V và anh T1 tử vong trên đường đi cấp cứu, còn bị cáo P bị thương tích nhẹ.

Quá trình điều tra bị cáo P và bị cáo S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 728/KL-KTHS và số 729/KL-KTHS cùng ngày 09/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: Nguyễn Đức T1 bị đa chấn thương, trong đó chấn thương vùng đầu gây dập và xuất huyết não là nguyên nhân dẫn đến tử vong; Mai Hoàng V bị đa chấn thương, trong đó chấn thương vùng ngực, bụng làm vỡ tim, gan gây mất máu cấp là nguyên nhân dẫn đến tử vong.

Tại Bản kết luận giám định nồng độ cồn trong máu số 719/KL-KTHS, 720/KL-KTHS và 721/KL-KTHS cùng ngày 07/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: bị cáo Nguyễn Chí P; Nguyễn Đức T1 và Mai Hoàng V không phát hiện thành phần Etanol (cồn) trong máu.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Hiện trường vụ tai nạn giao thông không còn nguyên vẹn, do công tác cấp cứu người bị nạn ảnh hưởng đến tính nguyên vẹn của hiện trường; đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng, tầm nhìn thông thoáng, không bị che khuất, mặt đường nhựa, không có cọc tiêu, không biển báo hiệu đường bộ, đường hai chiều, không có vạch kẻ tim đường, chiều rộng mặt đường là 6m00; điểm dựng đo vào mép chuẩn lề đường bên phải của hướng đi thành phố C đến thị xã H là 1m80; điểm va chạm đến trực trước xe mô tô 66N-290.3x là 3,53 mét; điểm va chạm đến trực sau bên trái xe mô tô ba bánh là 7,10 mét; điểm va chạm đến điểm chuẩn là cột điện số 137 là 23,65 mét.

Về vật chứng thu giữ:

- 01 (Một) áo thun dài tay, màu xanh, phía trước ngực trái có ghi dòng chữ màu trắng “Gạch xây dựng 7 S”; 01 quần thun dài, viền đỏ (đã qua sử dụng) của bị cáo P. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trao trả cho bị cáo P xong.

- 01 (Một) xe mô tô biển số 66N1-290.3x, số máy JA39E0112634, số khung 3901HY112812, nhãn hiệu HONDA, loại WAVE, màu sơn Xanh-Đen-Bạc, dung tích 109 của ông Mai Văn H, sinh năm 1977 - khóm B, thị trấn C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Ông H ủy quyền cho bà Nguyễn Thị M là mẹ ruột của bị hại Mai Hoàng V, để

toàn quyền giải quyết vụ án; hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trao trả xe mô tô nêu trên cho bà M xong.

- 01 (Một) xe mô tô ba bánh, số máy YXC05-166MM-1F000063, số khung: Không, màu sơn: xanh, biển số 66P1-188.6x. Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn S khai mua của 01 người lạ tại tỉnh Bình Dương (không rõ tên, địa chỉ) không có giấy tờ đăng ký sở hữu xe theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Nguyễn Thị M là người đại diện hợp pháp của bị hại Mai Hoàng V; yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền tổn thất tinh thần 200.000.000đ, tiền mai tang phí 60.000.000đ, tiền sửa xe mô tô biển số 66N1-290.3x. Hiện bị cáo Nguyễn Văn S bồi thường cho bà M số tiền 53.500.000đ (Năm mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng); tiền sửa xe 8.017.000đ (Tám triệu không trăm mười bảy nghìn đồng).

- Bà Trần Thị Mỹ C1 là người đại diện hợp pháp cho bị hại Nguyễn Đức T1; yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền tổn thất về tinh thần 150.000.000đ, tiền mai tang phí 53.500.000đ. Hiện bị cáo Nguyễn Văn S bồi thường cho bà C1 số tiền 53.500.000đ (Năm mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng); ngày 30/3/2018, bà Trần Thị Mỹ C1 có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Chí P và bị cáo Nguyễn Văn S.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2018/HS-ST ngày 03/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 264; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số: 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 591 và Điều 610 Bộ luật Dân sự năm 2015; buộc bị cáo Nguyễn Chí P và bị cáo Nguyễn Văn S liên đới bồi thường tiền thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm đối với (Mai Hoàng V và Nguyễn Đức T1) cho bà Nguyễn Thị M và bà Trần Thị Mỹ C1 mỗi người là: 76.500.000đ (Bảy mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà M và bà C1 có đơn yêu cầu thi hành án, mà bị cáo P và bị cáo

S chưa thi hành xong số tiền trên; thì hàng tháng các bị cáo phải chịu lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định vào từng thời điểm thi hành án đối với số tiền chậm thi hành.

* Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội.

Các bị cáo Nguyễn Chí P, Nguyễn Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo P và bị cáo S mỗi bị cáo phải chịu 3.825.000đ (Ba triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn P, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, bị cáo Nguyễn Văn S có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo và giảm tiền án phí. Đến ngày 31/7/2018 bị cáo có đơn kháng cáo bổ sung cũng với với nội dung xin được hưởng án treo và giảm tiền án phí.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S về việc xin được hưởng án treo, sửa quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt do bị cáo S đã cung cấp thêm tình tiết mới có cơ sở để được xem xét cho hưởng án treo ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết như bị cáo đã nộp bổ sung số tiền khắc phục hậu quả cho gia đình các bị hại là 23.000.000 đồng và nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm là 4.025.000 đồng theo biên lai thu tiền số 09159 ngày 16/7/2018; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn đang nuôi 03 con ở tuổi vị thành niên; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng lớn đến việc đấu tranh và phòng chống tội phạm mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục là đủ. Vì vậy Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức án 06 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm. Đối với việc bị cáo S xin rút kháng cáo về việc xin giảm án phí, xét thấy đây là ý chí tự nguyện của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa Luật sư Cao Minh T bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn S thống nhất quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S cho bị cáo được hưởng án

treo, do bị cáo có tình tiết mới đã nộp thêm tiền khắc phục hậu quả cho gia đình các bị hại và tự nguyện đóng án phí sơ thẩm mặc dù hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo đang nuôi 03 con chưa thành niên, hiện nay vợ đã ly thân.

Bị cáo Nguyễn Văn S thống nhất lời bào chữa của Luật sư như nêu trên. Trong phần tranh luận bị cáo Nguyễn Văn S không có tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên, chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo ở bên ngoài lo khắc phục hậu quả cho gia đình các bị hại và nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S được làm và nộp trong thời hạn kháng cáo theo đúng quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của thể hiện: Khoảng 14 giờ, ngày 01/11/2017 khi bị cáo Nguyễn Chí P đang theo xe mô tô ba bánh do Lê Văn N điều khiển đi giao xi măng cho khách hàng tại tuyến 2X, khóm A, thị trấn T1, huyện B thì bị cáo S đã yêu cầu bị cáo P đến khu vực nhà của chị Lê Trúc G ở gần đó để điều khiển xe mô tô ba bánh, màu xanh biển kiểm soát số 66P1-188.6x về nhà trọ Hương Q, thuộc ấp Đ, xã T, huyện B thì bị cáo P nhận lời. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày bị cáo P điều khiển xe mô tô ba bánh nêu trên, theo hướng thị xã H đi thành phố C trên Quốc lộ 3x; đến đoạn đường thuộc ấp Đ, xã T, huyện B do không tuân thủ luật lệ giao thông lấn sang phần đường bên trái hướng đi, nên thùng xe phía sau bên trái xe mô tô ba bánh 66P1-188.6x va chạm vào tay cầm bên trái xe mô tô hiệu HONDA WAVE, màu sơn Xanh-Đen-Bạc, biển kiểm soát số 66N1-290.3x do anh Mai Hoàng V điều khiển, chở phía sau anh Nguyễn Đức T1 chạy hướng ngược lại gây tai nạn giao thông. Hậu quả làm cho anh V và anh T1 tử vong trên đường đi cấp cứu.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo S về việc giao xe mô tô ba bánh cho bị cáo P là người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác, gây nên hậu quả nghiêm trọng làm cho anh Mai Hoàng V và anh Nguyễn Đức T1 bị chết, làm cho thân nhân người bị hại vĩnh viễn mất đi người

thân không lấy gì bù đắp được đồng thời gây mất trật tự an toàn giao thông, đây cũng là nỗi quan tâm chung của toàn xã hội hiện nay. Bị cáo biết rõ bị cáo P không có giấy phép lái xe mô tô ba bánh theo quy định nhưng vì nhu cầu công việc bị cáo lại chủ quan giao xe cho bị cáo P điều khiển. Trong khi việc tham gia giao thông phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định pháp luật về giao thông đường bộ nhưng bị cáo vẫn xem thường quy định pháp luật, chính bị cáo là người giao xe mô tô ba bánh cho bị cáo P là người không đủ điều kiện điều khiển gây ra tai nạn giao thông vào ngày 01/11/2017 và dẫn đến cái chết của anh V và anh T1. Trong vụ án này bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi vô ý, không mong muốn hậu quả xảy ra, nhưng bị cáo phải nhận thức được hành vi của mình sẽ gây nguy hiểm cho xã hội, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy việc xét xử bị cáo S về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 264 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (viết tắt là Bộ luật hình sự năm 2015) là đúng người, đúng tội và có căn cứ. Tại phiên tòa bị cáo cung cấp bổ sung các tình tiết mới là bị cáo đã nộp bổ sung số tiền khắc phục hậu quả là 23.000.000 đồng theo 02 biên lai thu ngày 16/7/2018 (5.000.000 đồng + 18.000.000 đồng) và tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm là 4.025.000 đồng theo biên lai thu ngày 16/7/2018, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn đang nuôi 03 con ở tuổi vị thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã có ý thức tự nguyện chấp hành quyết định của bản án sơ thẩm, đã cố gắng nộp thêm tiền khắc phục hậu quả và án phí theo quyết định bản án sơ thẩm mặc dù hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là tình tiết giảm nhẹ mà án sơ thẩm chưa áp dụng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra xét thấy bị cáo S có nơi cư trú rõ ràng và có nơi mua bán ổn định, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội và không ảnh hưởng hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nên được xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo. Vì vậy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo S, sửa quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt. Tại phiên tòa bị cáo S xin rút kháng cáo về việc xin giảm án phí, xét thấy đây là ý chí tự nguyện của bị cáo nên chấp nhận, vì vậy đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo này của bị cáo.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo S được thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật (ngày 01/01/2018). So với quy định tại Điều 264 Bộ luật hình sự năm 2015 thì tội phạm và mức hình phạt theo quy định tại Điều 205 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (viết tắt là Bộ luật hình sự năm 1999) là nặng hơn. Vì vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định Bộ luật hình sự năm 2015 để giải quyết trong vụ án này là có lợi cho bị cáo phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Từ những nội dung trên, xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[7] Do kháng cáo của bị cáo S được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 và Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S về việc xin được hưởng án treo;

Chấp nhận việc rút kháng cáo bị cáo Nguyễn Văn S về việc xin giảm mức án phí sơ thẩm. Đình chỉ xét xử phúc thẩm về nội dung kháng cáo này;

Sửa quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội *“Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”*

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 264; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị

quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 25/9/2018).

Giao bị cáo Nguyễn Văn S cho UBND xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn S thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

*** Về án phí:**

- Bị cáo Nguyễn Văn S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC – (Vụ GD-KT 1)
- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND – VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Cơ quan CSĐT CA huyện B;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- UBND xã T, Huyện. B;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (N).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Tấn Lợi